

Bản án số: 18/2025/DS-ST

Ngày: 15/8/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tài;

2. Bà Vành Si Tha ;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Lê Ngọc Trân, thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 14 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 14 - An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Châu Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 14 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 297/2025/TLST-DS, ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST- DS, ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2025/QĐST-DS, ngày 31/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Chính Sách xã hội Việt Nam; trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai (nay phường Hoàng Mai) thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1979; chức vụ: Giám Đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tri Tôn tỉnh An Giang; địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Tri Tôn huyện Tri Tôn (nay là xã Tri Tôn) tỉnh An Giang;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vương Quốc Cường - chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Tri Tôn (theo giấy ủy quyền số 01/GUQ-NHCS ngày 10/02/2025);

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Tấn H, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp Tân Lập, xã Tân Tuyến, huyện Tri Tôn (nay xã Cô Tô), tỉnh An Giang;

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp Tân Lập, xã Tân Tuyên, huyện Tri Tôn (nay xã Cô Tô), tỉnh An Giang;

Ông Cường và bà N đều có mặt, ông H vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2022, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được tại Tòa án Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng) có ông Vương Quốc Cường đại diện theo giấy ủy quyền trình bày:

Vào ngày 21/6/2020, Ngân hàng có cho ông H vay số tiền là 22.000.000 đồng có người kế thừa là bà Nguyễn Thị N (mẹ ông H), mục đích vay để trồng cây hàng năm, thời hạn cho vay 03 năm với lãi suất cho vay 7,8%/năm, lãi suất quá hạn 130%/tháng, phương thức T toán được thực hiện theo sổ vay vốn số 5700061345 ngày 21/6/2010 hộ vay là lãi trả tháng. Từ khi vay ông H chỉ trả được vốn gốc vào ngày 28/4/2016 là 2.000.000 đồng và lãi 2.647,101 đồng, nên số vốn còn nợ là 20.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 20/3/2025 là 3.897.524 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử buộc ông H và bà N có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/3/2025 là 23.897.524 đồng (*vốn 20.000.000 đồng, lãi 3.897.524 đồng*) và lãi phát sinh từ sau ngày 20/3/2025 cho đến khi trả xong nợ theo sổ vay vốn số 5700061345 ngày 21/6/2010. Đồng thời còn phải chịu các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trong quá trình xét xử.

Tài liệu chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Sổ vay vốn số 5700061345 ngày 20/6/2010 có thể hiện chữ ký ông H và bà N có ký sổ vay (bản sao); Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay ngày 21/7/2025 (bản chính); giấy đề nghị vay vốn vay ngày 20/5/2010 (bản sao); giấy ủy quyền ngày 08/10/2010 (bản sao).

Bị đơn ông Huỳnh Văn Tấn H đã được Tòa án triệu tập tổng đạt nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà và ông H trả nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà yêu cầu trả nợ chia làm hai đợt cụ thể vào tháng 12/2025 trả vốn 10.000.000 đồng và tháng 6/2026 trả vốn 10.000.000 đồng và đến tháng 7/2026 trả tiền lãi còn lại. Nên bà không đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng là yêu cầu trả nợ một lần một.

Tại phiên tòa ông Vương Quốc Cường đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu, có bổ sung thêm bảng tính lãi và xác định giai đoạn từ năm 2015 đến 2018 và từ 2023 đến năm 2024 là nhà nước không có tính lãi suất khách hàng vay, nên chỉ tính lãi suất theo đơn kiện và tính lãi phát sinh từ sau ngày 15/8/2025 đến khi trả dứt nợ theo sổ vay vốn đã thỏa thuận. Ông H và bà N vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Hội đồng xét xử công bố kết quả biên bản xác minh nơi cư trú của ông H.

Đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng dân sự đã thực hiện đúng quy định tố tụng; việc thu thập chứng cứ đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn Tấn H và bà Nguyễn Thị N cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Tân Lập, xã Tân Tuyền, huyện Tri Tôn (nay là xã Cô Tô) trả số tiền đã vay và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký. Nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngân hàng cho biết thời gian ngưng trả lãi từ ngày 20/6/2014, nhưng tính đến ngày khởi kiện các bên thống nhất số nợ gốc và lãi là ngày 12/6/2025 nên chưa đến 03 năm nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn đúng theo Điều 429 Bộ luật dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Ông H, bà N cũng không cung cấp chứng cứ, tài liệu để phản bác lại trình bày của nguyên đơn. Do đó, ông H, bà N đã từ bỏ quyền chứng minh của mình thì Tòa án sẽ giải quyết theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ việc. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà N theo quy định tại khoản 4 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng

Theo đơn khởi kiện Ngân hàng cung cấp số vay vốn số 5700061345 ngày 20/6/2010 thể hiện ông H vay vốn là 22.000.000 đồng, lãi là 7,8%/năm, lãi suất quá hạn 130%/tháng, thời hạn là 04 năm, mục đích vay để trồng cây hàng năm, phương thức trả lãi hàng tháng. Nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã đóng được tổng cộng là 10.8778.217 đồng (*vốn 2.000.000 đồng, lãi 8.778.217 đồng*) thì ngưng kể từ ngày 28/4/2016 đến nay. Mặc dù Ngân hàng đã

nhiều lần yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông H vẫn không thực hiện, nhiều lần liên hệ làm việc nhưng không được. Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông H và bà N phải liên đới để trả nợ tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 20/3/2025 là 23.897.000 đồng (*trong đó vốn là 20.000.000 đồng, lãi là 3.897.524 đồng*) và lãi phát sinh từ sau ngày 20/3/2025 cho đến khi trả xong nợ theo sổ vay vốn ngày 21/6/2010. Đồng thời còn phải chịu các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trong quá trình xét xử.

Qua kết quả xác minh tại Công an xã Cô Tô cho biết: Ông Huỳnh Văn Tấn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 13, ấp Tân Lập, xã Cô Tô, tỉnh An Giang và bà Nguyễn Thị N là mẹ của ông H.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “ *Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Đồng thời tại biên bản hòa giải tại Tòa án thì bà N có thừa nhận theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là ông H và bà N còn nợ tiền vay của Ngân hàng nhưng xin trả nợ dần Ngân hàng không đồng ý, lời khai của bà N phù hợp với hợp đồng tín dụng thể hiện người vay là ông H và người kế thừa là bà N.

Do đó, giữa Ngân hàng với ông Huỳnh Văn Tấn H, người kế thừa là bà Nguyễn Thị N có xác lập hợp đồng vay trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên hợp đồng tín dụng làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2.2] Về lãi suất:

Tại phiên tòa Ngân hàng xác định không yêu cầu tính lãi từ năm 2015 đến 2018 và từ 2023 đến năm 2024 do thực hiện chính sách miễn lãi của Nhà nước nên không yêu cầu tính lãi, chỉ tính chính phần lãi theo đơn khởi kiện và bổ sung thêm bảng tính lãi tạm tính đến ngày 15/8/2025 tổng cộng vốn và lãi là 24.493.589 đồng (*trong đó vốn là 20.000.000 đồng, lãi quá hạn 4.493.589 đồng*). Xét thấy, việc Ngân hàng tự nguyện không tính lãi từ năm 2015 đến 2018 và từ 2023 đến năm 2024 là tự nguyện nên công nhận nên chỉ tính lãi ngày 21/6/2010 đến ngày 11/6/2014, lãi suất 0.65%/tháng đối với số vốn 22.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 11/6/2019 đến ngày 29/5/2022 lãi suất 0.845%/tháng; từ ngày 29/4/2025 đến ngày 31/7/2025 lãi suất 0.845%/tháng của vốn 20.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu lãi của nguyên đơn căn cứ theo điều khoản 4 Điều 70, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 7 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 thì khách hàng vay phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng. Xem xét bảng kê theo dõi cho vay và thu nợ của ngân hàng chỉ thể hiện ông H trả lãi đến hết ngày 28/6/2014 số tiền trả được vốn gốc 2.000.000 đồng, lãi 8.778.217 là thì ngưng là vi phạm nghĩa vụ T toán của hợp đồng tín

dụng. Nên ông H đã vi phạm hợp đồng có bà N là người kế thừa nghĩa vụ. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông Huỳnh Văn Tấn H và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên đới trả cho ngân hàng phần vốn và lãi tạm tính đến ngày 15/8/2025 và tiền lãi theo hợp đồng phát sinh sau ngày 15/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ là có cơ sở chấp nhận theo Điều 466 Bộ luật dân sự;

Ông Huỳnh Văn Tấn H và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên đới trả vốn gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/8/2025, cụ thể:

- Vốn gốc: 20.000.000 đồng
- Tiền lãi: 4.493.000 đồng (tính từ ngày 21/6/2010 đến ngày 15/8/2025)

[3] Về án phí:

Ngân hàng được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn Tấn H và bà Nguyễn Thị N do vi phạm nghĩa vụ T toán theo hợp đồng nên phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 429, 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 70, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật Các Tổ chức Tín dụng;

Căn cứ Điều 7 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính Sách xã hội Việt Nam,

- Buộc ông Huỳnh Văn Tấn H và bà Nguyễn Thị N liên đới có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Ngân hàng Chính Sách xã hội Việt Nam.

+ Tiền lãi 4.493.589 đồng (tính từ ngày 21/6/2010 đến ngày 15/8/2025);

+ Vốn gốc: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (ghi trong hợp đồng tín dụng số 5700061345 ngày 21/6/2010), nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Ông Huỳnh Văn Tấn H và bà Nguyễn Thị N liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.225.000 đồng (*một triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng*)

Ngân hàng Chính Sách xã hội Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS.ND Khu vực 14 – An Giang;
- Chi cục THA.DS Khu vực 14 – An Giang;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền